

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2019

*V/v: “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt.
2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, về “*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Minh N, sinh năm 1982; Địa chỉ: đường T, phường D, TP. P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Thế Q, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường P, phường H, TP.P, tỉnh Gia Lai. **Vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị là Lưu Thị Minh N và anh Bùi Thế Q đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 03/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Q không có trách nhiệm với gia đình, không chia sẻ trong cuộc sống, thường xúc phạm và không tôn trọng chị trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Trước đây năm 2017 chị cũng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q nhưng nghĩ đến con nên chị đã rút đơn khởi kiện. Hiện nay hôn nhân của vợ chồng chị đã mâu thuẫn trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thế Q.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Bùi Thế Q có 02 con chung là: Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 02/7/2010 và Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 26/4/2014. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi 02 con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con **hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay con Bùi Hoàng Anh T trên 07 tuổi, do đó sau khi vợ chồng ly hôn con Bùi Hoàng Anh T ở với ai là do con quyết định. Hiện nay chị làm tại UBND phường D, thành phố P thu nhập khoảng 05 triệu đồng/tháng.**

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 13/6/2019 của hồ sơ vụ án (bút lục 44) thì bị đơn trình bày như sau:*

- Hiện nay vợ anh là Lưu Thị Minh N có yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố P, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để lo con cái, tuy nhiên nếu chị N không đồng ý đoàn tụ mà kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Hiện nay vợ chồng anh đã ly thân, các con đang ở với chị N, thời gian qua vợ chồng anh cũng không tìm được tiếng nói chung.

- Trường hợp nếu phải ly hôn thì việc nuôi con giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu 02 con ở với chị N thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng, hiện nay anh làm việc tại tập đoàn H thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lưu Thị Minh N (sau đây viết tắt là nguyên đơn) và anh Bùi Thế Q (sau đây viết tắt là bị đơn) đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 03/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (bút lục 30) nên hôn nhân giữa chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân thì nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và năm 2017 đã một lần khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút lại đơn khởi kiện và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân (bút lục 25, 29, 44). Theo lời khai của nguyên đơn thì: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bị đơn không có trách nhiệm với gia đình, không chia sẻ trong cuộc sống, nhiều lần xúc phạm và không tôn trọng nguyên đơn (bút lục 25); Còn bị đơn khai: Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do nguyên đơn không chung thủy (bút lục 39 - 42) tuy nhiên bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nguyên đơn không chung thủy, mặc dù Tòa án đã có Thông báo yêu cầu bị đơn nộp bổ sung tài liệu chứng cứ để chứng minh trình bày của bị đơn là có căn cứ (bút lục 49); còn

nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ có xác nhận của UBND phường D, thành phố P là nguyên đơn không có vi phạm gì về đạo đức gia đình và các vi phạm khác trong thời gian công tác tại cơ quan (bút lục 61).

Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bị đơn không còn quan tâm gia đình, con cái nên thấy rằng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau, nguyên nhân mâu thuẫn lỗi chính thuộc về anh Quang do đó chị Lưu Thị Minh N yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thế Q là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị Lưu Thị Minh N và anh Bùi Thế Q có 02 con chung là Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 02/7/2010 và Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 26/4/2014. Xét thấy, hiện nay chị N và anh Q đã ly thân và 02 con đang ở với chị N, do chị Ngọc chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra hiện nay con Bùi Hoàng Anh T đã trên 07 tuổi có ý kiến nguyện vọng là ở với chị N khi chị N và anh Q ly hôn (bút lục 26). Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành để phát triển ổn định cho các con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Lưu Thị Minh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 02/7/2010 và Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 26/4/2014 cho đến khi 02 con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Ngoài ra, tại Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Do tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên không biết ý kiến của bị đơn về việc cấp dưỡng cho nguyên đơn nuôi 02 con chung như thế nào, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bị đơn có ý kiến là sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng nếu 02 con ở với nguyên đơn (bút lục 44), tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho nguyên đơn nuôi 02 con chung mỗi tháng 02 triệu đồng/02con, cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là ý chí, tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng này vẫn đảm bảo các nhu cầu tối thiểu để nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn chịu án phí yêu cầu ly hôn và bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 91, 92, 93, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Minh N.

- Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Minh N được ly hôn với anh Bùi Thế Q.

- Về nuôi con: Giao cho chị Lưu Thị Minh N được quyền nuôi 02 con chung là Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 02/7/2010 và Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 26/4/2014 cho đến khi 02 con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Thế Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Lưu Thị Minh N để nuôi 02 con chung là Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 02/7/2010 và Bùi Hoàng Anh T, sinh ngày 26/4/2014 mỗi tháng **2.000.000 đồng/1tháng/02 con** cho đến khi 02 con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. **Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc chị Lưu Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền số tiền tạm ứng án phí do chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001220 ngày 27 tháng 03 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Buộc anh Bùi Thế Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng,

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường H, TP.P (số 60, quyển số 01/2010)
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa